TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2026
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bảy
2. Bà Đỗ Thị Thúy Diễm

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp GT, xã PMT, tỉnh Vĩnh Long.

**Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: 125/50 ấp HL, xã HKT, tỉnh Vĩnh Long

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Võ Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện CL, tỉnh Bến Tre (nay là xã HKT, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 01/8/2016. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do quan điểm sống giữa vợ chồng không phù hợp nên thường xuyên cải vả nhau. Vợ chồng đã ly thân với nhau nhưng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông T.

Trong quá trình hôn nhân, bà và ông T có 01 con chung tên Võ Ngọc N, sinh ngày 05/7/2022. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và

chăm sóc con chung. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày không có.

** Bị đơn ông Võ Văn T không đến Tòa án nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Võ Văn T; Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Võ Ngọc N, sinh ngày 05/7/2022. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét giải quyết; Về nợ chung: bà H khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn ông Võ Văn T hiện đang cư trú tại xã HKT, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp hòa giải nhiều lần nhưng ông T không đến nên Tòa án không hòa giải được. Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng ông T không đến không vì sự kiện bất khả kháng hoặc lý do khách quan. Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H, ông T là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện CL, tỉnh Bến Tre (nay là xã HKT, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 01/8/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vả nhau, vợ chồng đã ly thân với nhau, bà cùng con về sống với gia đình bà. Nay bà H xác định không còn tình cảm với chồng nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Căn cứ theo biên bản xác minh bà Nguyễn Thị Thúy N là chị dâu của bà H cho biết: Vợ chồng bà H, ông T sau khi kết hôn bà H về nhà ông T sống được một thời gian thì bà H đem con về nhà mẹ ruột sống. Bà biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T chơi cờ bạc, thiếu nợ không chăm lo gia đình, từ khi

bà H về nhà mẹ ruột sống đến nay bà thấy ông T rất lâu mới về thăm con, có khi cả năm mới về thăm con một lần. Ông Võ Văn S là em trai ông T cho biết: Vợ chồng ông T, bà H có mâu thuẫn với nhau thế nào ông không rõ nhưng đã không sống chung với nhau một thời gian dài.

Tòa án đã mời ông T đến hòa giải nhiều lần, mời xét xử 02 lần nhưng ông T không đến, điều này cho thấy ông T có thái độ bỏ mặc không quan tâm đến hôn nhân của mình. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà H với ông T thực tế đã xảy ra, vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài không thể hàn gắn, do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà Lê Thị H và ông Võ Văn T có 01 con chung tên Võ Ngọc N, sinh ngày 05/7/2022. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cháu N sống cùng bà H từ khi vợ chồng ly thân nên giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Thị H trình bày tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Lê Thị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị H phải chịu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị H.

- *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị H được ly hôn ông Võ Văn T.

- *Về con chung*: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị H có 01 con chung tên Võ Ngọc N, sinh ngày 05/7/2022. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Võ Ngọc N. Ghi nhận bà Lê Thị H không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Võ Văn T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên

có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị H trình bày tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Lê Thị H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Lê Thị H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004968 ngày 09/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6-Vĩnh Long.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 6- Vĩnh Long;
- UBND xã HKT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảy **Đỗ Thị Thúy Diễm** **Nguyễn Thị Đoan Trang**